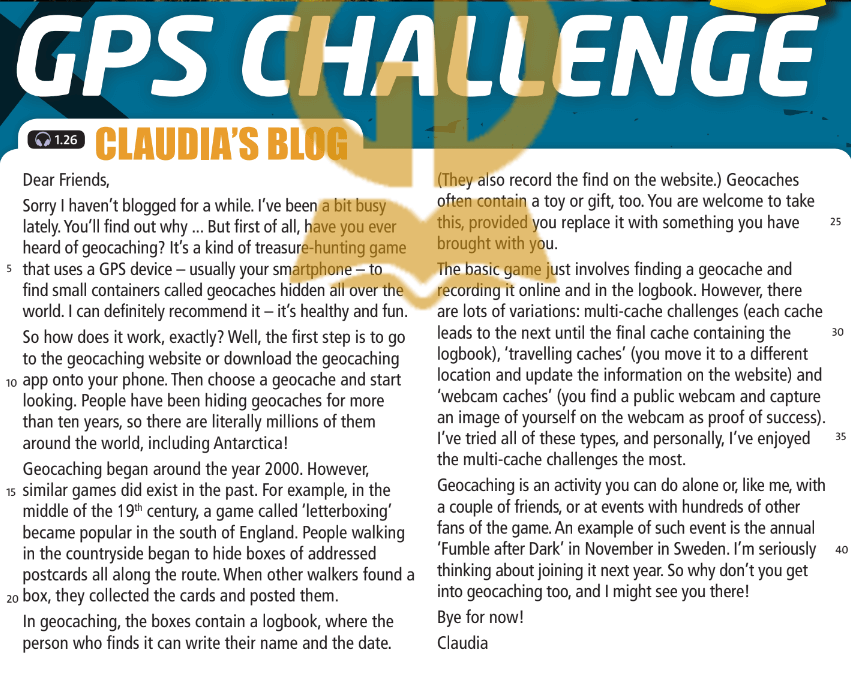
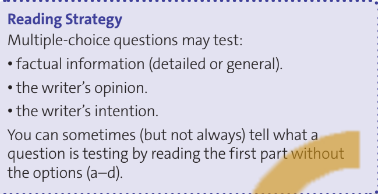
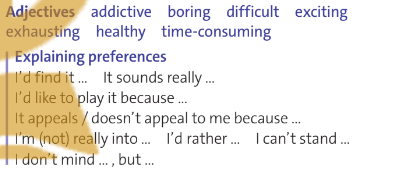
# Unit 2F. Reading (trang 30, 31)

**Tiếng Anh 11 Unit 2F Reading trang 30 - Friends Global**  
**1 (trang 30 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Look at the blog and the photos. What kind of game do you think the people are playing? What do you think happens? (Nhìn vào blog và các bức tranh. Bạn nghĩ mọi người đang chơi loại trò chơi nào? Bạn nghĩ điều gì xảy ra?)  
  
  
**Gợi ý:**  
I don't know what the exact name of the game is, but looking at the picture I guess they are playing a game related to finding something that uses modern devices to navigate them.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi không biết tên chính xác của trò chơi là gì, nhưng nhìn vào hình ảnh tôi đoán họ đang chơi một trò chơi liên quan đến việc tìm kiếm thứ gì đó sử dụng thiết bị hiện đại để giúp họ tìm hướng.  
  
**2 (trang 30 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the blog post quickly and check your ideas from exercise 1. (Đọc nhanh bài đăng trên blog và kiểm tra ý tưởng của bạn từ bài tập 1.)  
Audio 1.26  
**Đáp án:**  
They are geocaching. They find geocaches with their smartphones  
**Hướng dẫn dịch:**  
Họ đang truy tìm kho báu theo định vị GPS. Họ tìm kiếm bộ nhớ địa lý bằng điện thoại thông minh.  
**Hướng dẫn dịch bài đọc:**  
BLOG CỦA CLAUDIA  
Bạn thân mến,  
Xin lỗi tôi đã không viết blog trong một thời gian. Gần đây tôi hơi bận. Bạn sẽ hiểu lý do tại sao... Nhưng trước hết, bạn đã bao giờ nghe nói về trò truy tìm kho báu theo định vị GPS chưa? Đây là một loại trò chơi truy tìm kho báu sử dụng thiết bị GPS - thường là điện thoại thông minh - để tìm các hộp nhỏ được gọi là bộ nhớ địa lý được cất giấu trên khắp thế giới. Tôi chắc chắn có thể giới thiệu nó – trò chơi này lành mạnh và vui vẻ. Vậy chính xác trò này chơi thế nào? Chà, bước đầu tiên là truy cập trang web hoặc tải xuống ứng dụng truy tìm kho báu dùng định vị GPS xuống điện thoại. Sau đó chọn một bộ nhớ địa lý và bắt đầu tìm kiếm. Người ta đã giấu các bộ nhớ địa lý trong hơn mười năm, vì vậy thực sự có hàng triệu bộ nhớ địa lý trên khắp thế giới, bao gồm cả Nam Cực!  
Trò try tìm kho báu dùng định vị GPS bắt đầu vào khoảng năm 2000. Tuy nhiên, các trò chơi tương tự đã tồn tại trong quá khứ. Ví dụ, vào giữa thế kỷ 19, một trò chơi gọi là 'hộp thư' trở nên phổ biến ở miền nam nước Anh. Những người đi bộ ở vùng nông thôn bắt đầu giấu các hộp bưu thiếp có ghi địa chỉ dọc theo tuyến đường. Khi những người đi bộ khác tìm thấy một hộp, họ thu thập các thẻ và đăng chúng.  
Trong trò tìm kho báu dùng định vị GPS này, các hộp chứa nhật ký, nơi người tìm thấy nó có thể viết tên và ngày của họ. (Họ cũng ghi lại kết quả tìm thấy trên trang web.) Các hộp này cũng thường chứa một món đồ chơi hoặc quà tặng. Bạn có thể lấy chúng, miễn là bạn thay thế nó bằng thứ bạn mang theo bên mình.  
Trò chơi cơ bản chỉ bao gồm việc tìm một bộ đệm địa lý và ghi lại nó trực tuyến và trong nhật ký. Tuy nhiên, có rất nhiều biến thể: thử thách đa bộ đệm (mỗi bộ đệm dẫn đến bộ đệm tiếp theo cho đến khi bộ đệm cuối cùng chứa sổ nhật ký), 'bộ đệm di chuyển' (bạn di chuyển nó đến một vị trí khác và cập nhật thông tin trên trang web) và webcam caches' (bạn tìm một webcam công cộng và chụp ảnh bản thân trên webcam để làm bằng chứng thành công). Tôi đã thử tất cả các loại này và cá nhân tôi thích thử thách nhiều bộ đệm nhất.  
Trò tìm kho báu sử dụng định vị GPS là một hoạt động bạn có thể thực hiện một mình hoặc giống như tôi, với một vài người bạn hoặc tại các sự kiện với hàng trăm người hâm mộ trò chơi khác. Một ví dụ về sự kiện như vậy là "Fumble after Dark" hàng năm vào tháng 11 ở Thụy Điển. Tôi đang suy nghĩ nghiêm túc về việc tham gia vào năm tới. Vậy tại sao bạn không tham gia trò này nhỉ và chúng ta có thể gặp nhau ở đó!  
Tạm biệt nhé!  
Claudia  
  
**3 (trang 30 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Reading Strategy and the questions in exercise 4. Then answer the following questions. (Đọc bảng Chiến lược đọc và các câu hỏi trong bài tập 4. Sau đó trả lời các câu hỏi sau.)  
  
1. Which questions in exercise 4 ask about  
a. the writer's intention?  
b. the writer's opinion?  
c. factual information?  
2. How did you decide on the answers to question 1?  
3. Which question in exercise 4 is about the whole blog post?  
**Đáp án:**  
1.  
a. Question 6 in exercise 4 asks about the writer's intention.  
b. Questions 4 and 5 in exercise 4 ask about the writer's opinion.  
c. Questions 1, 2 and 3 in exercise 4 ask about factual information.  
2. By looking for words that give clues, e.g. *The writer thinks* suggests that the question is about the writer’s opinion.  
3. Question 6 in exercise 4 is about the whole blog post.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chiến lược đọc:  
Các câu hỏi trắc nghiệm có thể hỏi về:  
\* các thông tin thực tế (chi tiết hoặc tổng quát).  
\* ý kiến của người viết.  
\* ý định của người viết  
Đôi khi, bạn có thể (nhưng không phải lúc nào cũng vậy) biết câu hỏi đang hỏi về điều gì bằng cách đọc phần đầu tiên mà không đọc các đáp án (a-d).  
1.  
a. Câu hỏi 6 trong bài tập 4 hỏi về dụng ý/ ý định của người viết.  
b. Câu hỏi 4 và 5 trong bài tập 4 hỏi về quan điểm của người viết.  
c. Câu hỏi 1, 2 và 3 trong bài tập 4 hỏi về thông tin thực tế.  
2. Bằng cách tìm kiếm những từ cung cấp manh mối, ví dụ: Cụm *the writer thinks* cho thấy rằng câu hỏi hỏi về quan điểm của người viết.  
3. Câu hỏi 6 trong bài tập 4 là về toàn bộ bài viết trên blog.  
  
**4 (trang 30 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the blog post again. Choose the correct option (a-d). (Đọc bài viết trên blog một lần nữa. Chọn phương án đúng (a-d).)  
**1.** To take part in geocaching you need  
a. a mobile phone with GPS.  
b. a mobile phone with GPS and a toy or gift.  
c. a mobile phone, a toy or gift and a logbook.  
d. nothing-just yourself!  
**2.** The activity of geocaching  
a. began in the 19th century, but only became popular after 2000.  
b. was originally only popular in one region of England, but now has fans all over the world.  
c. was called "letterboxing' when it was first invented.  
d. has similarities with a 19th-century game.  
**3.** When you find a gift in a geocache, you  
a. make a note of the gift on the website.  
b. can borrow the gift, but have to return it.  
c. are allowed to take the gift if you replace it with something else.  
d. take a photo of the gift as proof that you have found it.  
**4.** The writer thinks that the most enjoyable kind of geocaching is when  
a. you have to find a public webcam.  
b. you have to find a series of geocaches.  
c. you have to find a geocache and then hide it in a different place.  
d. you simply have to find one geocache.  
**5.** The writer believes the 'Fumble after Dark' event  
a. is less fun than geocaching with a couple of friends.  
b. would be a very enjoyable event to attend.  
c. is only suitable for adventurous people.  
d. needs to attract more people.  
**6.** The writer has written the blog mainly to  
a. suggest that people try geocaching.  
b. explain the differences between letterboxing and geocaching.  
c. publicise a geocaching event in Sweden.  
d. warn readers that geocaching is addictive.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1-a  
  
  
2-d  
  
  
3-c  
  
  
4-b  
  
  
5-b  
  
  
6-a  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: It's a kind of treasure-hunting game that uses a GPS device-usually your smartphone-to find small containers called geocaches hidden all over the world. (Đó là một loại trò chơi truy tìm kho báu sử dụng thiết bị GPS - thường là điện thoại thông minh - để tìm các hộp nhỏ gọi là bộ nhớ địa lý được cất giấu khắp nơi trên thế giới.)  
2. Thông tin: However, similar games did exist in the past. For example, in the middle of the 19th century, a game called 'letterboxing" became popular in the south of England. (Tuy nhiên, các trò chơi tương tự đã tồn tại trong quá khứ. Ví dụ, vào giữa thế kỷ 19, một trò chơi gọi là 'hộp thư' đã trở nên phổ biến ở miền nam nước Anh.)  
3. Thông tin: You are welcome to take this, provided you replace it with something you have brought with you. (Bạn có thể lấy cái này, miễn là bạn thay thế nó bằng thứ bạn mang theo bên mình.)  
4. Thông tin: I've enjoyed the multi-cache challenges the most. (Tôi thích thử thách nhiều bộ đệm nhất.)  
5. Thông tin: I'm seriously thinking about joining it next year. (Tôi đang suy nghĩ nghiêm túc về việc tham gia vào năm tới.)  
6. Thông tin: I can definitely recommend it- it's healthy and fun. (Tôi chắc chắn có thể giới thiệu nó - nó lành mạnh và vui vẻ.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Để tham gia trò truy tìm kho báu dùng định vị GPS, bạn cần:  
a. một chiếc điện thoại di động có GPS.  
b. một chiếc điện thoại di động có GPS và một món đồ chơi hoặc quà tặng.  
c. một chiếc điện thoại di động, đồ chơi hoặc quà tặng và nhật ký.  
d. không cần gì- mình ạn là đủ  
2. Trò truy tìm kho báu dùng định vị GPS:  
a. bắt đầu từ thế kỷ 19, nhưng chỉ trở nên phổ biến sau năm 2000.  
b. ban đầu chỉ nổi tiếng ở một vùng của nước Anh, nhưng giờ đây đã có nhiều người yêu thích trên toàn thế giới.  
c. được gọi là "hộp thư" khi nó được nghĩa ra lần đầu tiên.  
d. có những điểm tương đồng với một trò chơi thế kỷ 19.  
3. Khi bạn tìm thấy một món quà trong bộ nhớ địa lý, bạn:  
a. ghi chú món quà trên trang web.  
b. có thể mượn món quà, nhưng phải trả lại.  
c. được phép lấy món quà nếu bạn thay thế nó bằng thứ khác.  
d. chụp ảnh món quà để làm bằng chứng rằng bạn đã tìm thấy nó.  
4. Người viết nghĩ rằng biến thể thú vị nhất của trò geocaching là khi:  
a. bạn phải tìm một webcam công cộng.  
b. bạn phải tìm một loạt các bộ nhớ địa lý.  
c. bạn phải tìm một bộ nhớ địa lý và sau đó giấu nó ở một nơi khác.  
d. bạn chỉ cần tìm một bộ nhớ địa lý  
5. Người viết tin sự kiện 'Fumble after Dark':  
a. ít thú vị hơn so với chơi tìm kho báu với một vài người bạn  
b. sẽ là một sự kiện rất thú vị để tham dự.  
c. chỉ phù hợp với những người ưa mạo hiểm.  
d. cần thu hút nhiều người hơn.  
6. Người viết đã viết blog chủ yếu để:  
a. gợi ý mọi người nên thử chơi trò tìm kho báu..  
b. giải thích sự khác biệt giữa trò “hộp thư” và trò tìm kho báu.  
c. công khai một sự kiện tìm kho báu ở Thụy Điển.  
d. cảnh báo độc giả rằng trò tìm ko báu gây nghiện.  
  
**5 (trang 30 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING KEY PHRASES Work in pairs. Would you like to play this game? Why? / Why not? Use the adjectives, and phrases below to help you. (Làm việc theo cặp. Bạn có muốn chơi trò chơi này không? Tại sao có?/ Tại sao không? Sử dụng các tính từ và cụm từ dưới đây để giúp bạn.)  
  
**Gợi ý:**  
If I had a chance I would like to play this game. In my opinion, it's really interesting and exciting. You know I'm the kind of person who likes the feeling of curiosity and exploring new things, so I think this game is suitable for me. It also appeals to me because if I play with my team, I can have a quality time with them while enjoying a healthy activity. Finding something may be time consuming, but it will make me improve my patience.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Các tính từ:  
gây nghiện nhàm chán khó thú vị  
kiệt sức lành mạnh tốn thời gian  
Giải thích tại sao thích hơn:  
- Tôi thấy nó…….Nghe có vẻ thực sự……  
- Tôi muốn chơi nó vì…..  
- Nó hấp dẫn/ không hấp dẫn tôi vì….  
- Tôi (không) thực sự thích …..Tôi muốn…..Tôi không thể chịu được….  
- Tôi không phiền….., nhưng…..  
Nếu tôi có cơ hội, tôi muốn chơi trò chơi này. Theo ý kiến của tôi, nó thực sự thú vị và hấp dẫn. Bạn biết đấy, tôi là một người thích cảm giác tò mò và khám phá những điều mới, vì vậy tôi nghĩ trò chơi này phù hợp với tôi. Nó cũng hấp dẫn tôi vì nếu tôi chơi với đồng đội, tôi có thể có khoảng thời gian chất lượng với họ trong khi tận hưởng một hoạt động lành mạnh. Việc tìm kiếm thứ gì đó có thể tốn thời gian, nhưng nó sẽ giúp tôi cải thiện sự kiên nhẫn của mình.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit 2A. Vocabulary (trang 24, 25)  
Unit 2B. Grammar (trang 26)  
Unit 2C. Listening (trang 27)  
Unit 2D. Grammar (trang 28)  
Unit 2E. Word Skills (trang 29)  
Unit 2G. Speaking (trang 32)  
Unit 2H. Writing (trang 33)  
Unit 2I. Culture (trang 34)  
Review Unit 2 (trang 35)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home